

Số: 409 /QĐ-MNTTH2

Củ Chi, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách Quý III năm 2024 của trường mầm non Tân Thông Hội 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂN THÔNG HỘI 2

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 19256/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao dự toán ngân sách năm 2024 đối với các đơn vị giáo dục và đào tạo huyện;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu- chi ngân sách Quý III năm 2024 của trường mầm non Tân Thông Hội 2 (theo biểu số 03 đính kèm) bằng hình thức dán niêm yết tại bảng tin của nhà trường, thông qua hội đồng sư phạm nhà trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các tổ, bộ phận trong đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường MNTTH2
- Lưu :VT,KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Thủy

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số:
90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018)

Đơn vị: Trường MN Tân Thông Hội 2
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường mầm non Tân Thông Hội 2 công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý 3 năm 2024 như sau:

ĐV tính: VNĐ

Số T T	Nội dung	Dự toán năm	thực hiện Quý 3 năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.381.556.000	7.979.977.353	64%	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	12.381.556.000	7.979.977.353	64%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.444.599.000	4.203.936.891	77%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.936.957.000	3.776.040.462	54%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				

Số T T	Nội dung	Dự toán năm	thực hiện Quý 3 năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Thu Thủy

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Tân Thông Hội 2

Mã ĐVQHNS: 1038711

Mã cấp NS: 3



Người ký: Ngô Thị Bích Vân
Ngày ký: 02/10/2024 09:06:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	1.791.012.000	2.400.000	1.793.412.000	1.793.412.000	528.264.769	1.424.247.604	0	0	0	369.164.396
13	071	00000	276.951.376	5.444.599.000	0	5.444.599.000	5.721.550.376	1.902.030.655	4.203.936.891	0	0	0	1.517.613.485
14	071	00000	101.970.100	5.145.945.000	0	5.145.945.000	5.247.915.100	957.013.890	2.351.792.858	0	0	0	2.896.122.242
Cộng:			378.921.476	12.381.556.000	2.400.000	12.383.956.000	12.762.877.476	3.387.309.314	7.979.977.353	0	0	0	4.782.900.123
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Hoàng Lâm

Người ký: Văn Ngọc Thị Bích 03
Ngày ký: 02/10/2024 09:06:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Phương Thảo
Ngày ký: 01/10/2024 15:01:45
Đơn vị: Trường Mầm non Tân Thông Hội 2

Người ký: Lê Thị Thu Thủy
Ngày ký: 01/10/2024 15:01:52
Đơn vị: Trường Mầm non Tân Thông Hội 2

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Tân Thông Hội 2

Mã DVQHNS: 1038711

Mã cấp NS: 3



Người ký: Ngô Thị Bích Vân
Ngày ký: 02/10/2024 09:06:45
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KSNH Cũ CNH - TP Hồ
Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SĐKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thu hút	12	071	6103	00000	0	0	0	81.300.000	0	81.300.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	071	6115	00000	0	0	121.241.345	301.843.222	121.241.345	301.843.222
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	071	6116	00000	0	0	0	189.770.400	0	189.770.400
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	12	071	6156	00000	-5.400.000	0	5.400.000	5.400.000	0	5.400.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	071	6157	00000	-2.400.000	0	2.400.000	2.400.000	0	2.400.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	071	6199	00000	-3.200.000	0	5.600.000	5.600.000	2.400.000	3.600.000
Bảo hiểm xã hội	12	071	6301	00000	0	0	15.505.481	46.403.513	15.505.481	46.403.513
Bảo hiểm y tế	12	071	6302	00000	0	0	2.736.262	8.111.460	2.736.262	8.111.460
Kinh phí công đoàn	12	071	6303	00000	0	0	2.485.310	6.065.625	2.485.310	6.065.625
Bảo hiểm thất nghiệp	12	071	6304	00000	0	0	912.088	2.703.821	912.088	2.703.821
Các khoản đóng góp khác	12	071	6349	00000	0	0	456.043	913.328	456.043	913.328
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	352.528.240	743.736.235	352.528.240	743.736.235
Nhà cửa	12	071	6907	00000	0	0	10.395.000	10.395.000	10.395.000	10.395.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	071	6949	00000	0	0	19.605.000	19.605.000	19.605.000	19.605.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	791.171.472	1.958.078.385	791.171.472	1.958.078.385
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	97.263.306	272.686.506	97.263.306	272.686.506

Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	13.398.000	33.066.000	13.398.000	33.066.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	436.509.907	436.509.907	436.509.907	436.509.907
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	277.936.995	691.048.435	277.936.995	691.048.435
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	609.000	1.503.000	609.000	1.503.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	158.992.534	418.036.612	158.992.534	418.036.612
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	28.057.506	73.102.113	28.057.506	73.102.113
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	14.241.244	43.168.346	14.241.244	43.168.346
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	9.352.502	24.367.371	9.352.502	24.367.371
Các khoản đóng góp khác	13	071	6349	00000	0	0	4.676.251	8.392.379	4.676.251	8.392.379
Chi khác	13	071	6449	00000	0	0	0	68.400.000	0	68.400.000
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	15.510.842	45.951.857	15.510.842	45.951.857
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	1.255.800	2.880.150	1.255.800	2.880.150
Tiền nhiên liệu	13	071	6503	00000	0	0	1.417.900	1.417.900	1.417.900	1.417.900
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	4.860.000	7.290.000	4.860.000	7.290.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	7.208.000	16.797.400	7.208.000	16.797.400
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	1.300.000	2.100.000	1.300.000	2.100.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	74.800	179.666	74.800	179.666
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	875.996	1.821.664	875.996	1.821.664
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	071	6608	00000	0	0	0	625.000	0	625.000
Khoản điện thoại	13	071	6618	00000	0	0	1.800.000	5.400.000	1.800.000	5.400.000
Khác	13	071	6649	00000	0	0	0	7.068.000	0	7.068.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	4.500.000	13.500.000	4.500.000	13.500.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	11.415.600	32.569.200	11.415.600	32.569.200
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	2.810.000	5.810.000	2.810.000	5.810.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	071	6921	00000	0	0	0	13.574.000	0	13.574.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	10.001.000	10.001.000	10.001.000	10.001.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	5.292.000	5.292.000	5.292.000	5.292.000

Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	1.500.000	3.300.000	1.500.000	3.300.000
Lương theo ngạch, bậc	14	071	6001	00000	0	0	120.865.047	362.981.481	120.865.047	362.981.481
Phụ cấp chức vụ	14	071	6101	00000	0	0	2.046.000	6.138.000	2.046.000	6.138.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	071	6112	00000	0	0	42.461.475	128.209.025	42.461.475	128.209.025
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	071	6113	00000	0	0	93.000	279.000	93.000	279.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	071	6115	00000	0	0	19.047.752	56.623.221	19.047.752	56.623.221
Bảo hiểm xã hội	14	071	6301	00000	0	0	24.047.743	72.417.240	24.047.743	72.417.240
Bảo hiểm y tế	14	071	6302	00000	0	0	4.243.719	12.657.992	4.243.719	12.657.992
Kinh phí công đoàn	14	071	6303	00000	0	0	2.788.226	9.096.135	2.788.226	9.096.135
Bảo hiểm thất nghiệp	14	071	6304	00000	0	0	1.414.573	4.219.331	1.414.573	4.219.331
Các khoản đóng góp khác	14	071	6349	00000	0	0	707.287	1.421.048	707.287	1.421.048
Chi khác	14	071	6449	00000	0	0	739.299.068	1.697.750.385	739.299.068	1.697.750.385
Cộng:					-11.000.000	0	3.398.309.314	7.979.977.353	3.387.309.314	7.979.977.353
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Hoàng Lâm

Người ký: Van Ngo Thi Bich 03
Ngày ký: 02/10/2024 09:06:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

Van Ngo Thi Bich 03

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Phương Thảo
Ngày ký: 01/10/2024 13:01:45
Đơn vị: Trường Mầm non Tân Thuận Hội 2

Đoàn Thị Phương Thảo

Người ký: Lê Thị Thu Thủy
Ngày ký: 01/10/2024 13:03:52
Đơn vị: Trường Mầm non Tân Thuận Hội 2

Lê Thị Thu Thủy